

NGHIÊN CỨU SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỌC HỌC PHẦN “TIẾNG NHẬT I” BẰNG HÌNH THỨC “HỌC TẬP KẾT HỢP”

Trần Lan Phương

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Email: phuong.tranlan@hust.edu.vn

Article history

Received: 29/01/2022

Accepted: 18/02/2022

Published: 20/3/2022

Keywords

Blended learning, School of Foreign Languages - Hanoi University of Science and Technology

ABSTRACT

Blended learning is far from a new concept which has been widely applied at many training institutions around the world. This model was first applied to students learning Japanese as a foreign language, at the College of Foreign Languages - Hanoi University of Science and Technology in the first semester, the school year 2021-2022. In the following school year, the School of Foreign Languages intended to increase the number of blended courses. Therefore, after the pilot course, it is necessary to have an effective overall assessment and evaluation in order to learn from experience. The study is based on a survey of students' opinions upon completing the course, pointing out the shortcomings and making some suggestions to build a more complete blended learning program.

1. Mở đầu

“Blended learning” (có thể gọi là học tập kết hợp) là một khái niệm không mới và đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều cơ sở đào tạo trên khắp thế giới. Những năm gần đây, nhiều trường của Việt Nam cũng đưa mô hình này vào giảng dạy. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội triển khai mô hình học tập kết hợp từ năm học 2019-2020. Các giờ học kết hợp giữa truyền thống và trực tuyến được đan xen với nhau với tỉ lệ tùy thuộc vào từng môn học do nhóm chuyên môn quyết định. Viện Ngoại ngữ áp dụng mô hình học Blended learning đối với học phần Tiếng Nhật I lần đầu tiên vào học kì I năm học 2021-2022. Nghiên cứu này nhằm đánh giá về mức độ hài lòng của sinh viên (SV) đối với quá trình học học phần Tiếng Nhật I bằng hình thức học tập kết hợp.

Trong bài báo này, sau phần trình bày về một số khái niệm cơ bản cũng như tóm lược một số nghiên cứu liên quan về mô hình học tập kết hợp, lí thuyết về sự hài lòng, chúng tôi sẽ phân tích về sự hài lòng của SV dựa trên phiếu khảo sát đối với học phần Tiếng Nhật I tại Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận

2.1.1. Học tập kết hợp (Blended learning)

Theo Davis và Fill (2007), Blended learning là sự tích hợp những phương pháp giảng dạy trực diện truyền thống (face-to-face) và các hoạt động học tập trực tuyến được hỗ trợ bởi các nền tảng công nghệ thông tin. Davis và Fill (2007) cũng giải thích rằng học tập kết hợp có khả năng thay đổi trải nghiệm và kết quả học tập của người học (tr 187). Lai và cộng sự (2016, tr 5) đưa ra 3 cách tiếp cận khi thiết kế khóa học Blended learning: (1) Kết hợp ở mức độ thấp: thêm một số hoạt động trực tuyến vào khóa học đã và đang được dạy theo mô hình truyền thống trên lớp; (2) Kết hợp ở mức độ vừa: thay thế một số hoạt động học tập trực tiếp trên lớp bằng hoạt động trực tuyến với khóa học đã có; (3) Kết hợp ở mức độ cao: thiết kế một khóa học mới hoàn toàn theo mô hình Blended learning.

2.1.2. Phân tích sự hài lòng

Theo Kotler và Keller (2012, tr 10) sự hài lòng là mức độ của trạng thái cảm giác của một người bắt nguồn từ việc so sánh kết quả thu được từ sản phẩm/dịch vụ với những kì vọng của người đó. Sản phẩm/dịch vụ trong giáo dục ở đây chính là những nội dung, kiến thức mà người học muốn đạt được sau khoá học.

Shee và Wang (2008) đề xuất khung đánh giá sự hài lòng của SV đối với đào tạo trực tuyến gồm có 4 nội dung chính: (1) Giao diện: tính dễ sử dụng, tính thân thiện với người dùng, tính dễ hiểu và tính ổn định trong vận hành; (2) Cộng đồng học tập: tính dễ tương tác với GV, SV khác, dễ tiếp cận với nguồn dữ liệu được chia sẻ; (3) Nội dung hệ thống: nội dung được cập nhật, hiệu quả và hữu dụng; (4) Tính cá nhân hóa: khả năng kiểm soát quá trình học tập và ghi dấu hiệu suất học tập.

2.2. Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đối với quá trình học học phần Tiếng Nhật I bằng hình thức học tập kết hợp

2.2.1. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát trên Microsoft Forms đối với 73 SV của 3 lớp học phần Tiếng Nhật I tại Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Bảng khảo sát là những đánh giá, những thuận lợi, khó khăn và mong muốn của SV đối với học phần Tiếng Nhật I. Thời gian thực hiện khảo sát là tháng 10/2021. Phương pháp nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi, sau đó sử dụng phương pháp mô tả để phân tích, xử lý số liệu. Chúng tôi thiết kế bảng hỏi dựa trên khung đánh giá của Shee và Wang (2008) để nghiên cứu về sự hài lòng của SV đối với học phần Tiếng Nhật I.

2.2.2. Giới thiệu học phần Tiếng Nhật I học theo hình thức học tập kết hợp tại Viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Học phần được lựa chọn thực nghiệm là học phần 3 tín chỉ với 64 tiết học trong 16 tuần dưới hình thức học tập kết hợp giữa học trực tiếp trên lớp và trực tuyến trên nền hệ thống quản lý học tập (LMS). Bên cạnh các hoạt động dạy học trực tiếp trên lớp như các lớp học truyền thống, các hoạt động, nhiệm vụ đều được thiết kế trên moodle để SV dễ dàng theo dõi và GV dễ dàng quản lý quá trình học tập.

Nội dung của khoá học trực tuyến bám sát giáo trình Minna no Nihongo được sử dụng giảng dạy trên lớp. Chúng tôi chia sẻ các tài liệu học tập như tài liệu từ vựng, ngữ pháp, luyện nghe, hội thoại và tạo các video ngắn, mỗi clip khoảng 12-15 phút, tải lên nền tảng LMS. SV có thể xem video, tìm kiếm tài liệu, tham gia vào các cuộc thảo luận trên Forum và gửi bài tập, clip trên nền tảng công nghệ số. Sau mỗi bài học đều có quizz, mini test hoặc thảo luận. Để đảm bảo SV thực hiện học trên hệ thống nghiêm túc, GV thiết lập hạn định thời gian cho các mini test (mở trong đúng 1 tuần SV học). Đáp án được để tự động, SV có thể xem kết quả ngay sau khi gửi bài, biết được lỗi sai và sửa. Trong trường hợp SV xem mà vẫn còn khúc mắc, SV có thể đặt câu hỏi trên hệ thống hoặc hỏi trực tiếp GV vào buổi học trên lớp.

2.2.3. Phân tích sự hài lòng của sinh viên

Phiếu khảo sát gồm 02 phần: phần 1 thông tin cơ bản về đối tượng tham gia khảo sát, phần 02 khảo sát về khóa học gồm 02 mục: đánh giá về khoá học (chương trình, nội dung, phương pháp...), các câu hỏi mở (những nội dung hài lòng, chưa hài lòng đối với khoá học, đề xuất...). Sử dụng Excel để thống kê, phân tích mô tả, chúng tôi thu được kết quả như sau:

10 câu hỏi đánh giá mức độ hài lòng của SV đối với nội dung học phần được up trên LMS và hiệu quả của việc học trên LMS. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert với 5 mức độ để lựa chọn: (1) Rất không hài lòng; (2) Không hài lòng; (3) Phán vân; (4) Hài lòng; (5) Rất hài lòng.

Bảng 1. Mức độ hài lòng của SV về chương trình học trên LMS

Nội dung khảo sát	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Đề cương chi tiết, giáo trình, bài giảng, video và các tài liệu của học phần được cung cấp đầy đủ trên hệ thống LMS	2,7%	0%	1,3%	39,7%	56,1%
Nội dung bài giảng rõ ràng, có nhiều ví dụ, dễ hiểu, tạo sự hứng thú cho SV	2,7%	1,3%	1,3%	47,9%	46,5%
Phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp giúp SV dễ dàng tiếp thu	2,7%	0%	6,8%	46,5%	43,8%
Kế hoạch giảng dạy - học được thực hiện đúng như trong thời khoá biểu ghi trong đề cương	2,7%	0%	2,7%	36,9%	57,5%
SV được kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu bài sau mỗi bài học	2,7%	0%	0%	57,5%	39,7%
Tiến độ dạy - học và bài tập được giao vừa sức SV, bám sát chương trình	2,7%	0%	1,3%	47,9%	47,9%
SV được hỗ trợ, giải đáp thắc mắc trực tiếp trong giờ học và thông qua các diễn đàn, mạng xã hội, email, Teams...	2,7%	0%	4,1%	43,8%	47,9%
SV phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu	2,7%	0%	6,8%	53,4%	36,9%
Các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp hỗ trợ cho nhau	4,1%	0%	6,8%	52%	36,9%
Cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm dễ sử dụng, thân thiện với người dùng	2,7%	0%	8,2%	57,5%	31,5%

Qua phần trả lời câu hỏi của SV, chúng tôi nhận thấy rằng đa số SV hài lòng và rất hài lòng đối với chương trình liên quan đến LMS. Nội dung SV chọn mức 4 và mức 5 chiếm 97,2% là nội dung "SV được kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu bài sau mỗi bài học". Mức độ hài lòng của SV thể hiện sự nỗ lực của GV khi soạn chương trình. Sau mỗi tiết

học, chúng tôi đều soạn quizz, mini test để SV có thể củng cố kiến thức. Nội dung đứng thứ 2 được SV đánh giá ở mức 4 và 5 chiếm 95,8% là “Đề cương chi tiết, giáo trình, bài giảng, video và các tài liệu của học phần được cung cấp đầy đủ trên hệ thống LMS” và “Tiến độ dạy - học và bài tập được giao vừa sức, bám sát chương trình”. Tài liệu và những nội dung liên quan đến học phần được cung cấp đầy đủ, có hệ thống giúp SV có cái nhìn tổng thể, dễ tìm kiếm tài liệu học tập. Nội dung ít được SV đánh giá cao nhất trong số mục trên nhưng cũng chiếm đến 88,9% đó là “Các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp hỗ trợ cho nhau”. Điều này cũng dễ lí giải đối với học phần ngoại ngữ, bởi học ngoại ngữ là phải luyện tập nhiều lần, những nội dung ngữ pháp GV đã hướng dẫn trên clip thì buổi sau GV sẽ cho luyện tập, những mẫu câu đó SV sẽ gặp lại trong phần hội thoại, bài đọc, bài tập... nên SV thấy bị lặp.

Khi được hỏi “Những điều SV hài lòng khi tham gia học phần?”, có 44 lượt chọn hài lòng vì học trên LMS tiết kiệm thời gian; 49 lượt bình chọn vì các em có thể tìm kiếm tài liệu trên hệ thống một cách dễ dàng; 68 lượt bình chọn hài lòng vì các em có thể chủ động thời gian học tập, có thể học tập mọi lúc mọi nơi chỉ cần có máy tính hoặc điện thoại thông minh, máy tính bảng... và mạng Internet ổn định; 63 lượt bình chọn hài lòng vì lí do có thể ôn lại kiến thức một cách dễ dàng. Chúng tôi đưa câu hỏi mở, để SV có thể nêu những nội dung mà các em hài lòng khác. Câu trả lời là: giao diện dễ sử dụng; nội dung bài học đầy đủ, nắm được lộ trình từng bài; đáp án, điểm được hiển thị ngay sau khi làm bài tập; có thể làm lại bài nhiều lần, phát huy được năng lực tự học của SV. Nhiều SV chăm chỉ, làm bài 2-3 lần. Theo quan sát của GV thì kết quả của lần sau thường là cao hơn lần trước. Việc GV cài đặt trên hệ thống cho phép SV có thể làm bài test nhiều lần giúp cho các em có cơ hội luyện tập nhiều hơn - 1 kĩ năng cần thiết trong việc học ngoại ngữ. SV cũng có thể thực hiện việc học với khung giờ phù hợp với bản thân mà không phải theo thời khoá biểu cố định trên lớp. Đây cũng là một ưu điểm của học theo hình thức Blended learning.

Câu hỏi “Những điều em chưa hài lòng về học phần khi tham gia học trên LMS?”, SV có thể lựa chọn nhiều phương án. Kết quả cho thấy 7 lượt chọn không hài lòng do có nhiều bài tập; 29 lượt chọn không hài lòng vì không được chữa bài tập trực tiếp, các em muốn được phân tích lỗi sai, hiểu sâu để tránh lỗi tương tự. 45 lượt chọn không hài lòng do đường truyền mạng không ổn định và 16 lượt bình chọn là do lỗi hệ thống từ phía nhà trường.

Với mong muốn cải thiện để có thể hoàn thiện chương trình, chúng tôi đã hỏi SV “Đề xuất của em để cải thiện nội dung học trên LMS?”. Có 38 lượt đề xuất GV nên thêm nhiều tài liệu tham khảo; 14 lượt đề xuất thêm bài tập; 31 lượt đề xuất thêm clip hướng dẫn học; 37 lượt đề xuất SV nên có thời gian thảo luận offline về những vấn đề khúc mắc trên LMS. Những đề xuất này của SV sẽ được xem xét để GV bổ sung trong học phần tới.

Đối với học phần Tiếng Nhật I ở Viện Ngoại ngữ, số giờ học học tập kết hợp của SV chiếm 30% tổng số giờ học của chương trình. 13 tuần đầu, cứ 4 tiết học thì SV sẽ có 3 tiết học trên lớp, 1 tiết học tập kết hợp; 3 tuần cuối SV có 2 tiết học trên lớp, 2 tiết học học tập kết hợp. Chúng tôi đã hỏi SV “Số thời gian SV dành để học trên LMS trong tuần?”. Có 25 SV học trên LMS ít hơn 45 phút / tuần, chiếm 34%; có 40 SV học khoảng 45-90 phút / tuần, chiếm 55%; có 8 SV dành hơn 90 phút một tuần, chiếm 11%. Kết quả trên cho thấy đa phần SV cũng đã có ý thức tự giác học theo đúng quy định.

Đối với học phần này, tỉ trọng on-off đang được áp dụng hiện nay tại các cơ sở đào tạo là: 30-70; 50-50; 70-30. Để biết được mong muốn của SV về vấn đề này, chúng tôi hỏi “Theo em, tỉ lệ online-offline nên là: 30%-70%; 50%-50%; 70%-30%?”. Có 45 SV lựa chọn 30%-70%, chiếm 62%; 19 SV lựa chọn 50%-50%, chiếm 26%; 9 SV lựa chọn 70%-30%, chiếm 12%.

Với câu hỏi: “Cảm nhận chung của em về việc học trên hệ thống LMS?”, không có SV nào chọn ở mức rất không hài lòng hoặc không hài lòng, 6% SV thấy bình thường, 70% SV hài lòng, 22% SV rất hài lòng. Tuy nhiên khi được hỏi về hình thức mà SV mong muốn học đối với học phần Tiếng Nhật II thì có 40% SV muốn tiếp tục học theo hình thức học tập kết hợp, 60% SV muốn học offline (face to face). Có thể nói với đặc thù của việc học ngoại ngữ là cần tương tác nhiều nên đa phần SV muốn học offline để các em có cơ hội nói chuyện nhiều hơn với GV và các bạn.

2.3. Một số đề xuất để nâng cao hiệu quả đào tạo

Sau khi lấy ý kiến của SV, chúng tôi đã phân tích và đưa ra một số đề xuất để đáp ứng được mong muốn của SV, nâng cao hiệu quả của việc học trên LMS.

- *Về phía Nhà trường*: Giao diện của hệ thống LMS được SV đánh giá là khoa học, dễ sử dụng, tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn bị lỗi không truy cập được. Để khắc phục vấn đề trên, chúng tôi đề xuất Nhà trường không ngừng cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống. Ngoài ra, Trường cũng nên đưa thêm tài liệu, clip hướng dẫn SV các thao tác trên hệ thống giống như mô hình một lớp học để SV dễ dàng tìm hiểu, tra cứu. Trường đã tạo nhóm “Hỗ trợ kĩ thuật B-learning và học Online trên Teams” số lượng thành viên hiện nay đã lên đến 2186 người. SV được hỗ trợ kịp thời những vấn đề về kĩ thuật. Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi, nếu để SV tự ý đặt câu hỏi như vậy sẽ xảy ra vấn đề là nhiều SV có chung khúc mắc, câu hỏi bị lặp lại, rất mất thời gian cho nhóm kĩ thuật để trả lời từng trường hợp.

Do vậy việc tạo nhóm thảo luận trên forum với chủ đề cụ thể sẽ giúp SV dễ dàng tra cứu, tìm kiếm câu trả lời dễ dàng, thuận tiện hơn, tiết kiệm thời gian cho nhóm kỹ thuật.

- *Về phía GV*: là người trực tiếp tham gia giảng dạy học phần Tiếng Nhật I tại Viện Ngoại ngữ, chúng tôi xin đưa ra đề xuất như sau:

+ GV đưa thêm tài liệu tham khảo, thêm bài tập lên hệ thống. Trong bất cứ một lớp học nào cũng có những SV có trình độ khác nhau, niềm đam mê với môn học khác nhau. Có SV muốn GV giới thiệu thêm tài liệu, cho thêm bài tập để có thể nâng cao trình độ của mình, bên cạnh đó lại có SV chỉ muốn hoàn thành môn học nên thấy bài tập GV cho làm trên hệ thống là quá nhiều, bởi ngoài bài tập trên LMS, SV vẫn phải hoàn thành bài tập ở trên lớp. Để đáp ứng được nhu cầu đa dạng mà vẫn đảm bảo yêu cầu của chương trình, chúng tôi đề xuất nên chia mức độ yêu cầu, ghi rõ để SV có thể nắm được: những nội dung SV bắt buộc phải hoàn thành sẽ được tính điểm và những tài liệu tham khảo, bài tập nâng cao dành cho SV có hứng thú với môn học.

+ GV đưa thêm clip hướng dẫn lên hệ thống: Mặc dù số lượng clip GV đã đưa lên LMS đã đúng theo quy định của Trường (16 clip cho 16 tuần học). Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận ra những lợi ích của việc học qua clip đang được nhiều cơ sở giáo dục áp dụng, đặc biệt là đối với các cơ sở dạy ngoại ngữ, SV có thể xem đi xem lại clip nhiều lần, có thể dừng để luyện tập, nói theo...

+ Thêm nội dung thảo luận trên diễn đàn. Ở học phần này chúng tôi đã tạo chủ đề sẵn trên diễn đàn cho SV thảo luận như: “Em hãy chia sẻ tài liệu học tập tiếng Nhật trình độ sơ cấp mà em thấy hay”, “Em hãy chia sẻ cách học từ vựng hiệu quả của em”, “Em hãy chia sẻ cách luyện nghe của em. Em có gặp khó khăn gì đối với các bài nghe trên LMS không?”, “Nội dung em muốn được ôn tập ở tuần cuối học phần là gì?”. Sau khi thực hiện khảo sát trên, chúng tôi cho rằng với những chủ đề thảo luận cho sẵn là không đủ, GV nên mở thêm diễn đàn mỗi tuần. SV có thể tự do đặt câu hỏi, cả lớp sẽ cùng thảo luận, có những vấn đề SV này khúc mắc nhưng SV khác lại có thể trả lời, hỗ trợ bạn. Ngoài nội dung, kiến thức mà SV thu được thì thảo luận trên diễn đàn cũng giúp SV tăng sự tương tác với GV và các bạn trong lớp, tạo mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên.

3. Kết luận

Việc phản hồi, đánh giá của SV sau mỗi khoá học có vai trò quan trọng trong việc thiết kế nội dung bài học và khoá học sao cho phù hợp hơn. Kết quả thực nghiệm và khảo sát ý kiến đánh giá của SV đối với học phần Tiếng Nhật I cho thấy đa phần người học đánh giá tích cực về chương trình. Bên cạnh đó, những điều SV chưa hài lòng cũng đã được nghiên cứu chỉ ra và đưa đề xuất để khắc phục. Hi vọng nghiên cứu này sẽ giúp các giảng viên có thể có những thông tin quan trọng, điều chỉnh các kế hoạch bài học cho các khoá tiếp theo phù hợp hơn, hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- Davis, H. C., & Fill, K. (2007). Embedding blended learning in a university's teaching culture: Experiences and reflections. *British Journal of Educational Technology*, 38(5), 817-828.
- Francis, R., & Shannon, S. J. (2013). *Engaging with blended learning to improve students' learning outcomes*. European Journal of Engineering Education, 38(4), 359-369. <https://doi.org/10.1080/03043797.2013.766679>
- Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7(2), 95-105.
- Kotler, P., & Keller, K. L. (2012). *Marketing Management (14th Edition)*. Prentice Hall.
- Lưu Thị Quỳnh Hương (2017). Quan điểm của giảng viên về việc ứng dụng phương pháp học tập kết hợp trong giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải*, 49, 98-102.
- Lai, M., Lam, K., & Lim, C. (2016). Design principles for the blend in blended learning: a collective case study. *Teaching in Higher Education*, 716-729. <https://doi.org/10.1080/13562517.2016.1183611>
- Nguyễn Hoàng Trang (2018). *Một số vấn đề trong tổ chức dạy học Blended learning và kinh nghiệm quốc tế*. Kì yếu hội thảo quốc tế: Giáo dục cho mọi người - Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Giáo dục Quốc gia Hàn Quốc, tr 105 -110.
- Phan Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Ngọc Thông, Nguyễn Thị Phương Thảo (2020). Cảm nhận của sinh viên chính quy khi trải nghiệm học trực tuyến hoàn toàn trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(4), 18-28.
- Shee, D. Y., Wang, Y. S. (2008). Multi-criteria evaluation of the web-based e-learning system: A methodology based on learner satisfaction and its applications. *Computers & Education*, 50(3), 894-905.
- Trần Thị Huệ, Nguyễn Thị Kim Oanh (2020). Các nguyên tắc cơ bản để thiết kế khoá học ở đại học theo mô hình Blended learning hiệu quả. *Tạp chí Giáo dục*, 477, 18-22.